

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày: 01 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Mai Sơn và ông Quan Văn Ngụ.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại Nhà văn hóa tổ dân phố A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2024/TLST-HS, ngày 09 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HS, ngày 04/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/HSST-QĐ ngày 17/7/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn S**, sinh ngày 12/11/1975, tại huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Trú tại: **Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang**; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ: **Nguyễn Văn C** (đã chết); mẹ đẻ: **Nông Thị H** (đã chết); vợ: **Ma Thị V**, sinh năm 1976; con: 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2006;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Họ và tên: **Hoàng Văn D**, sinh ngày 18/10/1980, tại huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Trú tại: **tổ dân phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang**; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ: **Hoàng Văn T** (đã chết); mẹ đẻ: **Ban Thị H1** (đã chết); vợ: **Nông Thị L**, sinh năm 1981; con: 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011;

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 56/STHS ngày 02/11/1999 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang xử phạt **Hoàng Văn D** 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, đã chấp hành xong ngày 17/4/2000.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo* **Nguyễn Văn S**: Ông **Hoàng Văn V1** - Trợ giúp viên pháp lý **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T**. Có mặt.

* *Bị hại*: Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Anh D1**, chức vụ: Chủ tịch UBND thị trấn N. Người đại diện được ủy quyền: Bà **Hoàng Thị H2**, chức vụ: Cán bộ tư pháp thị trấn N. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Nông Thị L**, sinh năm 1981. Địa chỉ: **Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang**. Có mặt.

* *Người làm chứng*: Anh **Dương Văn T1**, sinh năm 1992. Địa chỉ: **Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 11 năm 2023 (không xác định được ngày cụ thể), **Nguyễn Văn S** gọi điện cho **Hoàng Văn D** mục đích rủ **D** đi khai thác gỗ Nghiến bán lấy tiền, **D** đồng ý. Sẵn và **D** cùng thống nhất 03 ngày sau đến khu vực **Rừng T** để tìm gỗ Nghiến khai thác. Khoảng 08 giờ ba ngày sau, **S** đến lều nuôi dê của **D** tại khu vực **T, thuộc tổ dân phố N, thị trấn N, huyện N**, sau đó **S** mang theo xăng, nhớt thải và 01 con dao, **D** mang theo máy cưa xăng nhãn hiệu CHIYODA 365, vạm chữ T đi theo đường mòn lên vách đá để tìm gỗ Nghiến khai thác. Đi được khoảng 01 giờ, **S** và **D** phát hiện 01 cây gỗ nghiến cao khoảng hơn 10m, đường kính gốc khoảng 90cm mọc trên vách đá tại **Lô D, khoảnh 576A, chức năng Rừng đặc dụng là rừng tự nhiên khu vực T, thuộc tổ dân phố N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang** do Ủy ban nhân dân thị trấn N quản lý theo bản đồ quy hoạch phân ba loại rừng thị trấn N. Thấy cây gỗ này có thể khai thác, **S** và **D** thay phiên nhau dùng máy cưa xăng cắt cây gỗ Nghiến được khoảng 20 phút thì cây đổ. Sau khi cắt hạ được cây gỗ **Nghiến S1** và **D** đi về thống nhất 03 ngày sau tiếp tục lên xẻ gỗ. Về nhà **S1** gọi điện cho **Nông Thị L** (vợ **D**) thuê **L** đi canh gác cho **S1** và **D** khai thác gỗ Nghiến nếu có lực lượng chức năng đến thì báo cho mình tiền công 150.000 đồng/ 01 ngày, **L** đồng ý.

Khoảng 09 giờ 03 ngày sau, **S1** gọi điện cho **L** bảo **L** đến khu vực **T** canh gác cho mình khai thác gỗ nghiến. Sau đó, **L** đến khu vực **T** canh gác còn **S1** và **D** mang theo cưa xăng, chông chữ "T" và 01 đoạn thước dài khoảng 30 cm, đi đến khu vực **cây gỗ N** đã cắt hạ trước đó để xẻ làm thớt. Trên đường đi có gặp **Dương Văn T1** trú cùng thôn với **S1**, **T1** xin đi cùng mục đích để quay video đăng Youtube. Đến nơi, **S1** và **D** thay nhau dùng cưa xăng xẻ cây gỗ **N**,

T1 thấy khai thác gỗ Nghiến không quay được video nên về trước. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, xẻ được 08 đoạn gỗ dạng thớt, trong đó: 03 đoạn thớt kích thước dày 10cm đường kính 25cm và 05 đoạn thớt kích thước dày 15cm đường kính 30cm sau đó **S1** và **D** đi về.

Khoảng 08 giờ ngày hôm sau, **S1** tiếp tục gọi điện cho **L** đi canh gác cho mình. Liệu tiếp tục đến khu vực **T** canh gác còn **S1** và **D** đi lên vị trí khai thác vận chuyển 08 đoạn gỗ Nghiến đã khai thác hôm trước về cất giấu tại khu vực lề đường cách lề của **D** khoảng 100m. Khoảng 12 giờ cùng ngày thì xong, **S1** gọi điện cho **L** về trước. Sau đó **S1** khai gọi điện cho **Bùi Xuân C1** thỏa thuận bán 08 đoạn gỗ Nghiến đã khai thác được cho **C1** với số tiền 1.950.000 đồng nhưng chưa nhận được tiền. Khoảng 30 phút sau, có 01 xe ô tô con (không xác định được đặc điểm, người điều khiển xe) đến, **S1** và **D** chuyển 08 đoạn gỗ **N** lên xe ô tô. Khoảng 01 tuần sau **S1** chia cho **D** 800.000 đồng và trả cho **L** 300.000 đồng tiền công như đã thỏa thuận.

Ngày 18/12/2023, Kiểm lâm địa bàn **thị trấn N** tổ chức tuần tra, kiểm tra khu vực **T, thuộc thị trấn N, huyện N** phát hiện 01 cây gỗ Nghiến bị khai thác trái pháp luật.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản xác định đối tượng rừng và loài cây (đối chiếu vị trí khai thác trên thực địa với bản đồ điều chỉnh phân ba loại rừng theo Quyết định số 1859/QĐ-CT ngày 31/12/2016 của **UBND tỉnh T** được bổ sung quy hoạch theo Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ), xác định: vị trí **Nguyễn Văn S** và **Hoàng Văn D** khai thác gỗ nghiến trái phép tại **Lô D**, khoảnh 576A, chức năng Rừng đặc dụng là rừng tự nhiên khu vực **T, thuộc tổ dân phố N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang** do Ủy ban nhân dân thị trấn **N** quản lý theo bản đồ quy hoạch phân ba loại rừng **thị trấn N**. Tổng khối lượng gỗ **Nghiến S1** và **D** đã khai thác trái phép là 8,076m³ trong đó khối lượng gỗ còn lại tại hiện trường là 8,014m³ khối lượng gỗ lấy khỏi hiện trường là 0,062m³. Loài cây bị khai thác trái phép là cây gỗ Nghiến, thuộc Danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA.

Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KLĐG-HĐĐGTSTTHS ngày 10/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **huyện N**, kết luận:

- Giá trị 01 cây gỗ Nghiến, nhóm II (gỗ thuộc danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, nhóm IIA) có tổng khối lượng là 8,076m³. Xác định có tổng giá trị: 84.511.024 đồng.

- Giá trị 08 đoạn gỗ Nghiến, nhóm II (gỗ thuộc danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, nhóm IIA) có tổng khối lượng là 0,062m³, bị **Nguyễn Văn S** và **Hoàng Văn D** cắt xẻ, chế biến trái phép lấy đi khỏi hiện trường, nằm trong tổng khối lượng của cây gỗ nghiến bị khai thác trái phép tại thời điểm tháng 11/2023. Xác định có giá trị: 476.536 đồng.

Cáo trạng số 12/CT-VKSNH, ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo **Nguyễn Văn S** và **Hoàng Văn D** về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Nguyễn Văn S** và **Hoàng Văn D** về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, 38 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố:

Bị cáo **Nguyễn Văn S** và **Hoàng Văn D** phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S** từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn D** từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 Máy cưa xăng nhãn hiệu CHIYODA 365, vỏ màu đỏ - đen, đã qua sử dụng; 01 lam máy cưa dài 01m, bản rộng nhất 10cm, có in dòng chữ OPECCON, đã qua sử dụng; 01 xích máy cưa gồm 56 mắt, đã qua sử dụng.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao, loại dao 01 lưỡi có đầu nhọn tổng chiều dài 39cm, trong đó phần chuôi dài 13cm, phần lưỡi dài 26cm, bản rộng nhất 4,5cm, dao đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho bị cáo **Hoàng Văn D** 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại điện thoại bàn phím vỏ màu đen có lắp 01 sim, cũ đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo **Nguyễn Văn S** 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 150, loại điện thoại bàn phím vỏ màu đen, cũ đã qua sử dụng; trả lại cho chị **Nông Thị L** 01 điện thoại di động nhãn hiệu hphone, loại điện thoại bàn phím vỏ màu đen có lắp 01 sim, cũ đã qua sử dụng nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Truy thu sung công quỹ Nhà nước của **Nông Thị L** số tiền 300.000 đồng.

Truy thu của bị cáo **Hoàng Văn D** số tiền 561.732 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự: Các bị cáo S, D có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N số tiền 476.536 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước, trong đó chia ra: Bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường số tiền 238.268 đồng; bị cáo Hoàng Văn D phải bồi thường số tiền 238.268 đồng (được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng mà mỗi bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn S số tiền 1.761.732 đồng.

Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn D số tiền 1.200.000 đồng.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để quyết định về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo Hoàng Văn D và miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn S; áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo đối với các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu; tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng giữa tháng 11 năm 2023 (không xác định được ngày cụ thể) tại Lô D, khoảnh 576A, chức năng Rừng đặc dụng là rừng tự nhiên khu vực T, thuộc tổ dân phố N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Văn S và Hoàng Văn D có hành vi cắt hạ trái phép 01 cây gỗ Nghiến tổng khối lượng 8,076m³ tổng giá trị 84.511.024 đồng, sau đó xẻ lấy đi khối hiện trường 08 đoạn gỗ dạng thớt tổng khối lượng 0,062m³ tổng giá trị 476.536 đồng.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang truy tố bị cáo **Hoàng Văn D** và **Nguyễn Văn S** về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến trật tự quản lý Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái, gây khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng của Nhà nước, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi khai thác trái phép lâm sản là trái pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên cũng cần xem xét cho các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để lên mức án cho phù hợp.

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết, tổ chức chặt chẽ. Vai trò, tính chất, mức độ trong hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo cụ thể như sau:

Bị cáo **Nguyễn Văn S** là người rủ bị cáo **Hoàng Văn D** đi khai thác gỗ Nghiến, cùng với bị cáo **D** chuẩn bị công cụ, phương tiện và trực tiếp thực hiện hành vi khai thác gỗ Nghiến. Đồng thời bị cáo **S** còn là người chịu trách nhiệm về việc tiêu thụ gỗ Nghiến do khai thác trái phép mà có. Bị cáo **S** chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt; bị cáo **Nguyễn Văn D2** tuy được bị cáo **S** rủ đi khai thác gỗ Nghiến trái phép nhưng lại là người chỉ ra vị trí có gỗ Nghiến để khai thác và cùng bị cáo **D2** chuẩn bị công cụ, phương tiện và trực tiếp thực hiện hành vi khai thác gỗ **N**. Trong vụ án này tuy bị cáo **S** là người khởi xướng thực hiện hành vi phạm tội, chuẩn bị công cụ, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và chịu trách nhiệm về việc tiêu thụ gỗ Nghiến nhưng bị cáo **D2** lại là người chỉ ra vị trí có gỗ Nghiến để khai thác, đồng thời bị cáo **D2** cũng là người chuẩn bị công cụ, phương tiện và tích cực thực hiện hành vi khai thác gỗ Nghiến. Bị cáo **D2** có nhân thân xấu đã từng bị Toà án xét xử về tội Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa nên xác định hai bị cáo có mức hình phạt tù tương đương nhau.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo **Nguyễn Văn S** là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo **Hoàng Văn D** có mẹ đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho

các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về vật chứng: Các tài sản quá trình điều tra đã thu giữ:

- Đối với 01 Máy cửa xăng nhãn hiệu CHIYODA 365, vỏ màu đỏ - đen, đã qua sử dụng; 01 lam máy cửa dài 01m, bản rộng nhất 10cm, có in dòng chữ OPECCON, đã qua sử dụng; 01 xích máy cửa gồm 56 mắt, đã qua sử dụng. Xét thấy đây là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 con dao, loại dao 01 lưỡi có đầu nhọn tổng chiều dài 39cm, trong đó phần chuôi dài 13cm, phần lưỡi dài 26cm, bản rộng nhất 4,5cm, dao đã qua sử dụng. Xét thấy đây là công cụ phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại điện thoại bàn phím vỏ màu đen có lắp 01 sim, cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo **Hoàng Văn D**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 150, loại điện thoại bàn phím vỏ màu đen, cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo **Nguyễn Văn S**. Xét thấy 02 điện thoại trên các bị cáo mua với mục đích để làm phương tiện liên lạc phục vụ trong cuộc sống hàng ngày nên cần trả lại cho bị cáo **Hoàng Văn D** và **Nguyễn Văn S**.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu hphone, loại điện thoại bàn phím vỏ màu đen có lắp 01 sim, cũ đã qua sử dụng thu giữ của chị **Nông Thị L**. Xét thấy chiếc điện thoại này chị **L** mua với mục đích để làm phương tiện liên lạc phục vụ trong cuộc sống hàng ngày nên cần trả lại cho chị **Nông Thị L** nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước của **Nông Thị L** số tiền 300.000 đồng là tiền do thu lời bất chính từ việc phạm tội của các bị cáo.

- Truy thu của bị cáo **Hoàng Văn D** số tiền 561.732 đồng (trong số tiền 800.000 đồng thu lợi bất chính sau khi đã trừ đi số tiền khắc phục hậu quả là 238.268 đồng) là tiền do thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự: Các bị cáo **S, D** có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N số tiền 476.536 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước, trong đó chia ra: Bị cáo **Nguyễn Văn S** phải bồi thường số tiền 238.268 đồng; bị cáo **Hoàng Văn D** phải bồi thường số tiền

238.268 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng mà mỗi bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang.

- Trả lại cho bị cáo **Nguyễn Văn S** số tiền 1.761.732 đồng.

- Trả lại cho bị cáo **Hoàng Văn D** số tiền 1.200.000 đồng.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo **Nguyễn Văn S** là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo **S** thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo **Hoàng Văn D** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên **Công an huyện N**; Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Các nội dung khác:

Hành vi của **Nông Thị L** canh gác cho **S** và **D** khai thác được 08 thớt gỗ nghiêng tổng khối lượng 0,062m³, Liệu chưa có tiền án, tiền sự nên hành vi của **L** chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 08/5/2024 **Hạt kiểm lâm huyện N** đã xử phạt vi phạm hành chính;

Đối với **Bùi Xuân C1** quá trình điều tra ngoài lời khai của **S** không có chứng cứ, tài liệu nào xác định **C1** mua gỗ nghiêng của Sẵn nên không có căn cứ để xử lý;

Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn S** và **Hoàng Văn D** phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Xử phạt:

+ Bị cáo **Nguyễn Văn S** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

+ Bị cáo **Hoàng Văn D** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc các bị cáo **Nguyễn Văn S**, **Hoàng Văn D** có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Ủy ban nhân dân thị trấn **N**, huyện **N** số tiền 476.536đ (bốn trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm ba sáu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước, trong đó chia ra:

+ Bị cáo **Nguyễn Văn S** phải bồi thường số tiền 238.268đ (hai trăm ba mươi tám nghìn hai trăm sáu tám đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) bị cáo đã nộp theo biên lai số 0000677 ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang;

+ Bị cáo **Hoàng Văn D** phải bồi thường số tiền 238.268đ (hai trăm ba mươi tám nghìn hai trăm sáu tám đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) bị cáo đã nộp theo biên lai số 0000678 ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 Máy cưa xăng nhãn hiệu CHIYODA 365, vỏ màu đỏ - đen, đã qua sử dụng; 01 lam máy cưa dài 01m, bản rộng nhất 10cm, có in dòng chữ OPECCON, đã qua sử dụng; 01 xích máy cưa gồm 56 mắt, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao, loại dao 01 lưỡi có đầu nhọn tổng chiều dài 39cm, trong đó phần chuôi dài 13cm, phần lưỡi dài 26cm, bản rộng nhất 4,5cm, dao đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo **Hoàng Văn D** 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại điện thoại bàn phím vỏ màu đen có lắp 01 sim, cũ đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo **Nguyễn Văn S** 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 150, loại điện thoại bàn phím vỏ màu đen, cũ đã qua sử dụng; trả lại cho chị **Nông Thị L** 01 điện thoại di động nhãn hiệu hphone, loại điện thoại bàn phím vỏ màu đen có lắp 01 sim, cũ đã qua sử dụng nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa **Công an huyện N** với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang ngày 14/5/2024).

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước của **Nông Thị L** số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Truy thu của bị cáo **Hoàng Văn D** số tiền 561.732đ (năm trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền

2.000.000đ (hai triệu đồng) bị cáo đã nộp theo biên lai số 0000678 ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang.

- Trả lại cho bị cáo **Nguyễn Văn S** số tiền 1.761.732đ (một triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng).

- Trả lại cho bị cáo **Hoàng Văn D** số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Bị cáo **Hoàng Văn D** phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo **Nguyễn Văn S** thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

- Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- CQĐT Công an huyện Na Hang;
- Chi cục T.H.A DS huyện Na Hang;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Quỳnh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TOÀ**

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ

Triệu Thị Hà Vũ Thị Toan

Phạm Thị Quỳnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- CQCSĐT Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Sở Tư pháp Tuyên Quang;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Q

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TOÀ**

Triệu Thị Hà Vũ Thị Toan

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN

Phạm Thị Quỳnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- CQCSĐT Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Sở Tư pháp Tuyên Quang;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Q

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- CQCSĐT Công an huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- Sở Tư pháp Tuyên Quang;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TOÀ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN

Đặng Thị Huệ – Phạm Văn Ninh

Nguyễn Xuân Thủy